|  |  |
| --- | --- |
| Ngày dạy: | Ngày soạn: |

Tiết theo KHBD:

**BÀI: LUYỆN TẬP CHUNG**

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. Mục tiêu: WCD644**

**1. Về kiến thức:**

- Tìm các ước và bội.

- Vận dụng tính chấ chia hết của một tổng.

- Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 3; 9.

- Phân tích một số tự nhiên nhỏ thành tích của các thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây và sơ đồ cột.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học:

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học:

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**  (5 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố cách tìm các ước và bội, tính chất chia hết của một tổng, dấu hiệu chia hết cho ; ; ; .

- Phân tích một số tự nhiên nhỏ thành tích của các thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây và sơ đồ cột.

**b) Nội dung:**

- Gv yêu cầu HS lên bảng trả lời và thực hành.

**c) Sản phẩm:**

- HS trả lời đúng cách tìm các ước và bội, tính chất chia hết của một tổng, dấu hiệu chia hết cho ; ; ; .

- Phân tích một số tự nhiên nhỏ thành tích của các thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây và sơ đồ cột.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**- HS 1: Nhắc lại cách tìm các ước và bội, tính chất chia hết của một tổng, dấu hiệu chia hết cho ; ; ; .- HS2: Lấy một số bất kì. Phân tích số đó ra thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây và sơ đồ cột.**\* HS thực hiện nhiệm vụ**- HS lắng nghe giáo viên giao nhiệm vụ.- HS1: Lên bảng trả lời.- HS2: Làm trên bảng- HS ở dưới lớp theo dõi câu trả lời và bài làm trên bảng.**\* Báo cáo, thảo luận**- HS1: Lên bảng trả lời.- HS2: Làm trên bảng.- HS ở dưới lớp theo dõi câu trả lời và bài làm trên bảng.**\* Kết luận, nhận định**­- GV đánh giá kết quả của HS, chính xác hóa kết quả và cho điểm. |  |

**2. Hoạt động 2: Luyện tập**  (38 phút)

**Hoạt động 2.1: Ví dụ 1; 2; 3**  (15 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS biết tìm ước và số ước thông qua bài toán có lời văn.

- Biết sử dụng dấu hiệu chia hết để xem một số có chia hết cho một hay nhiều số.

- Thành thạo phân tích một số ra thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây, sơ đồ cột.

**b) Nội dung:**

- HS nghiên cứu ví dụ 1; ví dụ 2; ví dụ 3 trình bày trong Sgk/43 từ đó làm các bài tập tương tự.

**c) Sản phẩm:**

- Học sinh hiểu và làm được các ví dụ 1; ví dụ 2; ví dụ 3.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| HS1: Ví dụ 1: Đội văn nghệ có 36 bạn, được xếp thành các hàng có số người bằng nhau. Hỏi có thể có những cách xếp hàng nào, biết mỗi hàng từ 3 đến 12 bạn?HS2: Ví dụ 2: Sử dụng dấu hiệu chia hết, hãy cho biết số  có chia hết cho ; ; ; ; .HS3: Phân tích số  thành thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây, sơ đồ cột.**\* HS thực hiện nhiệm vụ**- HS nghiên cứu các ví dụ 1; ví dụ 2; ví dụ 3 trong Sgk/43 trong thời gian 5 phút.- HS cả lớp làm xong, theo dõi bài làm của HS trên bảng.**\* Báo cáo, thảo luận**- HS1; HS2; HS3 lên bảng làm các ví dụ 1; ví dụ 2; ví dụ 3.- HS theo dõi nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành.**\* Kết luận, nhận định**- GV gọi từng HS đứng tại chỗ lần lượt nhận xét bài làm của HS trên bảng.- GV đánh giá kết quả của các nhóm, chính xác hóa kết quả.- GV củng cố cho HS việc áp dụng dấu hiệu chia hết, bài toán tìm ước vào các bài toán thực tế. | 1) **Ví dụ**\*)Ví dụ 1:Do xếp  bạn thành các hàng đều nhau nên số bạn ở mỗi hàng phải là ước của .Ta có .Vì mỗi hàng có từ  đến  bạn nên số bạn trong mỗi hàng có thể là: ; ; ; ; .Do đó, ta có  cách xếp thỏa mãn yêu cầu đề bài, cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số bạn ở mỗi hàng | 3 | 4 | 6 | 9 | 12 |
| Số hàng | 12 | 9 | 6 | 4 | 3 |

\*) Ví dụ 2:  có chữ số tận cùng là số chẵn nên. có tổng các chữ số là  và  nên .Chữ số tận cùng của  khác  và  nên . có tổng các chữ số là  và  nên .Chữ số tận cùng của  khác  nên .\*)Ví dụ 3Cách 1: Sơ đồ cây 140 2 70  2 35  5 7Ta viết : Cách 2: Sơ đồ cột

|  |  |
| --- | --- |
| 140 | 2 |
| 70 | 2 |
| 35 | 5 |
| 7 | 7 |
| 1 |  |

 Ta viết :  |

**Hoạt động 3: Vận dụng** (23 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS vận dụng khái niệm số nguyên tố, hợp số để giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn cuộc sống.

**b) Nội dung:**

- HS làm các bài tập 2.32 SBT trang 37; 2.28; 2.29 SGK trang 43.

**c) Sản phẩm:**

- HS tìm được các số chia hết cho ; .

- HS tìm được x thảo mãn điều kiện đầu bài.

- Biết vận dụng kiến thức để giải bài toán có lời văn chính xác.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập** **+ Gv giao lần lượt các nhiệm vụ**- HS hoạt động nhóm làm bài tập 2.32 SBT trang 37.- HS hoạt động cá nhân làm bài tập 2.28 SGK trang 43.- Cuộc thi ai tìm người anh em sinh đôi nhanh hơn bài tập 2.29 SGK trang 43.**\* HS thực hiện nhiệm vụ**- HS đọc kĩ và phân tích đề bài.- Thực hiện các yêu cầu GV giao cho.- HS đứng tại chỗ đại diện nhóm trả lời bài 2.32 SBT trang 37. Các nhóm nhận xét câu trả lời.- HS lên bảng trình bày bài tập 2,28 SGK trang 43.- HS thực hiện cuộc thi ai tìm người anh em sinh đôi nhanh hơn bài tập 2.29 SGK trang 43.**\* Báo cáo, thảo luận.**- GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả nhóm mình bài 2.32 SBT trang 37. Các nhóm còn lại nhận xét bài của các nhóm.- GV yêu cầu HS nhận xét lời giải bài tập 2.28 SGK trang 43 trên bảng. - Cuộc thi ai tìm người anh em sinh đôi nhanh hơn bài tập 2.29 SGK trang 43. HS đứng tại chỗ trả lời nhanh.- Cả lớp quan sát, lắng nghe và nhận xét.**\* Kết luận, nhận định.**- GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **2) Luyện tập**\*)Bài tập 2.32 (SBT trang 37)a) Số  thành tổng của ba số nguyên tố là  hoặc  hoặc .Số  thành tổng của ba số nguyên tố là  hoặc .b) Số  thành tổng của hai số nguyên tố là  hoặc  hoặc  hoặc .Số  thành tổng của hai số nguyên tố là  hoặc  hoặc  hoặc .\*)Bài tập 2.28 (SGK trang 43)Cô giáo chia  học sinh thành các nhóm có số người như nhau nên số nhóm là ước của .Ta có .Vì chia  học sinh thành các nhóm và mỗi nhóm nhiều hơn  người nên số nhóm có thể là ; ; ; ; .Do đó, ta có  cách xếp thỏa mãn yêu cầu đề bài, cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số học sinh ở mỗi nhóm | 4 | 5 | 8 | 10 | 20 |
| Số nhóm | 10 | 8 | 5 | 4 | 2 |

\*)Bài tập 2.29 (SGK trang 43) Các cặp nguyên tố sinh đôi nhỏ hơn  và thỏa mãn điều kiện đầu bài là:  và ;  và ;  và ;  và ;  và . |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng** **(2 phút)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng được các cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố vào làm bài tập

**b) Nội dung:**

- Thực hiện nhiệm vụ cá nhân bài tập: 2.26; 2.27; 2.28; SBT trang 36.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ tự học theo cá nhân.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**⏩ Giao nhiệm vụ**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học thuộc: khái niệm số nguyên tố, hợp số, các cách phân tích ra thừa số nguyên tố.

- Làm bài tập 2.26; 2.27; 2.28; SBT trang 36.

- Đọc trước bài 11: Ước chung, ước chung lớn nhất.